

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2017

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh

2. Ông Nguyễn Văn A

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 323/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm 1976 (có mặt).

Trú tại: Tổ 8, ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Quốc L, sinh năm 1975 (có mặt).

Trú tại: Số 58/2, đường D3, Khu T, ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư Bùi Quang V - Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Chị và anh Trương Quốc L đã kết hôn với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị và anh L chung sống đến năm 2009 thì ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, đến năm 2011 anh, chị đăng ký kết hôn lại tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 14, quyển số: 01/2011 ngày 14/02/2011. Quá trình chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi vấn đề trong cuộc sống, anh L thường xuyên chửi mắng và đánh đập chị, anh L thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc nên không chăm lo cho gia đình,

không phụ giúp chị nuôi các con. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 6/2016 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chị làm đơn xin được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 03 con chung gồm: Cháu Trương Thị Kiều O, sinh ngày 30/9/2002, Trương Thị Mỹ H, sinh ngày 23/3/2004 và Trương Thị Khánh N, sinh ngày 20/12/2011, sau khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/03 cháu cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn anh Trương Quốc L trình bày:

Anh hoàn toàn thống nhất với trình bày của chị N, về quá trình tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, thời gian sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh không còn tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không hiểu nhau, nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau, mặt khác thỉnh thoảng chị N còn gửi tiền về cho bố mẹ vợ mà không cho anh biết và chị N còn lén lút một mình đi mua đất đứng tên một mình chị N, nên dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, hôn nhân giữa vợ chồng không thể hàn gắn được. Tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn với chị N, vì anh muốn anh và chị N tự thỏa thuận xong về tài sản thì mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung gồm cháu Trương Thị Kiều O, sinh ngày 30/9/2002, Trương Thị Mỹ H, sinh ngày 23/3/2004 và Trương Thị Khánh N sinh ngày 20/12/2011, sau khi ly hôn anh đồng ý giao 03 con chung cho chị N nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/03 cháu cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[2]. Về nội dung:

1). Chị Phạm Thị N và anh Trương Quốc L có đăng ký kết hôn với nhau, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào năm 2011 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 14, quyển số: 01 ngày 14/02/2011, nên đây được coi là hôn nhân hợp pháp.

Yêu cầu của chị N xin được ly hôn với anh L. Vì chị N cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên

thường xuyên cãi vã lẫn nhau và anh L thường xuyên đánh đập chị, anh chị đã ly thân từ tháng 6/2016 đến nay. Anh L không đồng ý ly hôn với chị N, lý do không đồng ý ly hôn vì anh muốn anh và chị N tự thỏa thuận xong về tài sản, còn về tình cảm vợ chồng anh L cũng xác định không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, hôn nhân giữa vợ chồng không thể hàn gắn được. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên cho chị N được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định của pháp luật.

2). Về nuôi con chung: Các bên thống nhất giao 03 con chung tên Trương Thị Kiều O, sinh ngày 30/9/2002, Trương Thị Mỹ H, sinh ngày 23/3/2004 và Trương Thị Khánh N, sinh ngày 20/12/2011 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và anh L đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/03 cháu, đến khi các cháu tròn 18 tuổi nên được ghi nhận.

3). Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Ý kiến trình bày của luật sư V:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn với anh L. Về con chung, đề nghị giao 03 con chung cho chị N nuôi dưỡng và anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/03 cháu. Còn về tài sản do các bên không ai có yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Lời trình bày của Luật sư tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu: Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28; 35; 39; 147; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Trương Quốc L.

1.2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trương Thị Kiều O, sinh ngày 30/9/2002, Trương Thị Mỹ H, sinh ngày 23/3/2004 và Trương Thị Khánh N, sinh ngày 20/12/2011 cho chị N nuôi dưỡng.

Tạm thời anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/03 cháu, đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, của người được thi hành án đối với người phải thi hành án, đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.3. Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị N đã nộp tại biên lai thu tiền số 000568 ngày 18/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị N đã nộp đủ án phí.

Anh Trương Quốc L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- TAND tỉnh ĐN;
- THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lưu Trung Chiến